

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
- Tên viết tắt: DOWACO
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 48, Cách mạng tháng 8, P.Quyết Thắng, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (061) 3843 316 Fax: (061) 3847 149
- Website: www.dowaco.vn
- Mã chứng khoán: DNW
- Người được ủy quyền CBTT: **LÊ DUY DIỆP**
- Chức danh: Phó Giám đốc
- Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h 72h Theo yêu cầu Khác

Nội dung công bố thông tin như sau:

1- Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2016 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai và các Công ty con, cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 (đính kèm báo cáo tài chính):

+ Kỳ báo cáo : Năm
+ Năm : 2016

2- Giải trình chênh lệch số liệu BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2016 trước và sau kiểm toán (đính kèm văn bản giải trình ngày 29/03/2017).

3- Giải trình kết quả kinh doanh năm 2016 giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm trước của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai (đính kèm văn bản giải trình số 36.8.../CN ngày 29/03/2017).

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/03/2017 tại đường dẫn <http://dowaco.vn/quan-he-co-dong.aspx>


Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Công ty Sonadezi;
- HĐQT Công ty;
- Giám đốc Công ty;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT-TCHC.

VT Ân

Người được ủy quyền
công bố thông tin



Lê Duy Diệp

Số: 368 /CN
V/v Kết quả kinh doanh giảm hơn 10%
so với cùng kỳ năm trước

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán

Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai xin giải trình Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất về Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2016 giảm hơn 10% so với cùng kỳ 2015 cụ thể như sau:

1. Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán năm 2016

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016:	54.536.561.527 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2015:	104.478.739.035 đồng
- Số chênh lệch giảm:	49.942.177.508 đồng
- Tỷ lệ giảm:	47,8 %

Nguyên nhân:

Năm 2016, doanh thu thuần từ hoạt động SXKD và các hoạt động khác tăng 54.950.569.617 đồng, tương ứng 7,13%. Tuy nhiên, tổng chi phí từ hoạt động SXKD và các hoạt động khác tăng 121.413.823.518 đồng, tương ứng 18,99%. Nguyên nhân do trong năm, Công ty đã hạch toán khoản Lỗ chênh lệch tỷ giá khi đánh giá cuối kỳ là 42.446.181.198 đồng (so với khoản lãi 44.795.445.421 đồng trong năm 2015), từ đó làm lợi nhuận trước thuế TNDN giảm 66.463.253.901 đồng, tương ứng 50,41%. Đồng thời, chi phí thuế TNDN cũng giảm 16.521.076.393, tương ứng 60,37%.

Tổng hợp các nguyên nhân trên, lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016 giảm 49.942.177.508 đồng, tương ứng 47,8%.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm 2016

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016:	72.761.513.375 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2015:	138.765.789.159 đồng
- Số chênh lệch giảm:	66.004.275.784 đồng
- Tỷ lệ giảm:	47,57 %

Nguyên nhân:

- Năm 2016, doanh thu thuần từ hoạt động SXKD và các hoạt động khác của tập đoàn tăng 20.716.986.663 đồng, tương ứng 2,33% và tổng chi phí hoạt động SXKD và các hoạt động khác tăng 108.201.949.297 đồng, tương ứng 15,16%. Nguyên nhân chủ yếu do trong năm, Công ty mẹ đã hạch toán khoản lỗ chênh lệch tỷ giá khi đánh giá cuối là 42.446.181.198 đồng (so với khoản lãi 44.795.445.421 đồng trong năm 2015). Điều này tác động lớn đến việc làm giảm lợi nhuận sau thuế TNDN đi 87.067.109.955 đồng tương ứng với 49,09%. Đồng thời, chi phí thuế TNDN giảm 21.042.447.374, tương ứng 54,82%.

Tổng hợp các nguyên nhân trên, lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016 giảm 66.004.275.784 đồng, tương ứng 47,57%.

Trên đây là giải trình của Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai, kính trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội xem xét.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BGD
- Phòng TCKT;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC 



Phan Hùng

GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH SỐ LIỆU BCTC RIÊNG VÀ BCTC HỢP NHẤT NĂM 2016 TRƯỚC VÀ SAU KIỂM TOÁN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

**A. Giải trình chênh lệch BCTC riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 trước và sau kiểm toán:
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch	Nguyên nhân
I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh					
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	42.446.333.976	42.446.181.198	(152.778)	Sai số
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.989.535.390)	(16.067.850.605)	(2.078.315.215)	Chưa ghi nhận phần thu nhập từ thanh lý tài sản
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	317.986.033.383	315.907.565.390	(2.078.467.993)	
- Tăng, giảm các khoản thu	09	2.336.827.926	13.470.711.202	11.133.883.276	- Chưa loại trừ Khoản phải thu từ tài sản thanh lý: 13.199.317.610 - Khoản phải thu Phí BVMT: -2.065.434.334
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(189.133.831.999)	(203.556.832.290)	(14.423.000.291)	Ảnh hưởng do chênh lệch từ các khoản mục Thanh lý tài sản, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Nguồn kinh phí sự nghiệp
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.065.434.334	2.138.909.334	73.475.000	Khoản bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng tiền từ cấp trên
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.740.178.892)	(2.446.068.884)	5.294.110.008	Điều chỉnh các khoản chi không phục vụ sản xuất kinh doanh



B. Giải trình chênh lệch BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 trước và sau kiểm toán:

1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch	Nguyên nhân
A/ Tài sản ngắn hạn	100	523.108.921.468	523.108.921.468	-	
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	150	292.448.837.895	292.448.837.895	-	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	125.079.906.231	125.071.514.826	(8.391.405)	Điều chỉnh công nợ Công ty con
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	147.070.437.811	147.001.481.227	(68.956.584)	Điều chỉnh công nợ Công ty con
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	2.641.444.079	2.718.792.068	77.347.989	Tổng hợp ảnh hưởng từ các chênh lệch trên
B/ Tài sản dài hạn	200	2.898.332.215.102	2.897.316.624.442	(1.015.590.660)	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12.884.570.591	11.868.979.931	(1.015.590.660)	Sử dụng số liệu trước kiểm toán của Công ty liên kết
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	3.421.441.136.570	3.420.425.545.910	(1.015.590.660)	
C/ Nợ phải trả	300	2.087.846.696.663	2.089.140.519.350	1.293.822.687	
I/ Nợ ngắn hạn	310	487.888.997.826	489.182.820.513	1.293.822.687	
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19.577.236.618	20.871.059.305	1.293.822.687	Chưa tính tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016
D/ Vốn chủ sở hữu	400	1.333.594.439.907	1.331.285.026.560	(2.309.413.347)	
I/ Vốn chủ sở hữu	410	1.332.682.058.553	1.330.372.645.206	(2.309.413.347)	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	18.764.721.167	18.764.721.168	1	Sai số
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	226.890.522.690	225.203.582.263	(1.686.940.427)	
- LNST chưa phân phối kỳ trước	421a	113.399.282.378	156.574.075.093	43.174.792.715	Chưa kết chuyển LNST chưa phân phối kỳ trước sang kỳ này
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	113.491.240.312	68.629.507.170	(44.861.733.142)	- Chưa kết chuyển LNST chưa phân phối kỳ trước sang kỳ này: 43.174.792.715 - Chưa tạm trích đủ Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016: 671.349.767 - Sử dụng số liệu chưa kiểm toán trên BCTC của Công ty liên kết khiến LN tăng: 1.015.590.660
12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	103.050.649.418	102.428.176.497	(622.472.921)	Chưa tạm trích đủ Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	3.421.441.136.570	3.420.425.545.910	(1.015.590.660)	



